

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU

ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	5 – 28
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn được thành lập theo Quyết định số 882/998/QĐ/TCCB-LĐ ngày 17 tháng 4 năm 1998 của Bộ giao thông vận tải, hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh 103444 cấp ngày 20 tháng 7 năm 1998. Theo quyết định số 1201/QĐ-ĐS ngày 24/09/2010 của Hội đồng thành viên đường sắt Việt Nam chuyển Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Sài Gòn thành Công ty TNHH Một thành viên Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn. Hoạt động của Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301097524 ngày 08 tháng 12 năm 2010. Từ ngày 19 tháng 01 năm 2016 Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301097524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Hòa	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Dũng	Ủy viên
Ông Lê Đức Dũng	Ủy viên

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Văn Dũng	Giám đốc	
Ông Ưông Nhật Phương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 01 năm 2017
Ông Đinh Viết Huyền	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2017
Ông Dương Ngọc Thắng	Phó Giám đốc	
Ông Đỗ Đức Toàn	Kế toán trưởng	

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



Phạm Văn Dũng

Số: 30./2018/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn, được lập ngày 23 tháng 02 năm 2018, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Giám đốc

Kiểm toán viên

**Bùi Thị Ngọc Lan**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2015-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-028) 3910 4881 * Fax: (84-028) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

4 Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 * Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		104.837.182.949	52.544.794.248
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.221.023.266	4.657.820.180
1.	Tiền	111	V.01	6.221.023.266	4.657.820.180
2.	Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.605.220.268	32.728.298.898
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	74.965.602.456	26.840.641.696
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		15.225.000	-
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	8.624.392.812	5.887.657.202
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		7.010.939.415	15.158.675.170
1.	Hàng tồn kho	141	V.04	7.010.939.415	15.158.675.170
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		16.279.861.062	18.508.409.191
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		20.000.000	20.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	20.000.000	20.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		11.525.002.514	13.098.472.990
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	11.478.884.867	13.052.355.343
	- Nguyên giá	222		30.201.527.145	30.201.527.145
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(18.722.642.278)	(17.149.171.802)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	46.117.647	46.117.647
	- Nguyên giá	228		73.500.000	73.500.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(27.382.353)	(27.382.353)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	247.690.636
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.05	-	247.690.636
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		4.734.858.548	5.142.245.565
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	4.734.858.548	5.142.245.565
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		121.117.044.011	71.053.203.439

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		85.760.858.362	35.736.875.580
I.	Nợ ngắn hạn	310		85.702.778.362	35.736.875.580
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	34.152.493.835	2.525.590.854
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.977.053.474	3.623.361.713
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.641.898.991	2.552.598.298
4.	Phải trả người lao động	314		25.886.118.208	11.933.672.404
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	-	-
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	3.185.418.947	4.132.377.122
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	16.500.000.000	10.130.868.644
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		359.794.907	838.406.545
II.	Nợ dài hạn	330		58.080.000	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337		58.080.000	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		35.356.185.649	35.316.327.859
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.14	35.356.185.649	35.316.327.859
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.741.000.000	30.741.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		457.532.786	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.157.652.863	4.575.327.859
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		4.157.652.863	4.575.327.859
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		121.117.044.011	71.053.203.439

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Ánh Hoa



Đỗ Đức Toàn





Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	160.990.627.131	114.533.316.164
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		28.009.828	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		160.962.617.303	114.533.316.164
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	135.500.160.733	93.821.623.528
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.462.456.570	20.711.692.636
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	249.522.996	49.045.706
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	197.669.344	475.367.596
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		197.669.344	475.367.596
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	19.047.369.143	14.168.039.275
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.466.941.079	6.117.331.471
11.	Thu nhập khác	31		-	-
12.	Chi phí khác	32	VI.05	-	318.537.318
13.	Lợi nhuận khác	40		-	(318.537.318)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.466.941.079	5.798.794.153
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.293.388.216	1.223.466.294
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		5.173.552.863	4.575.327.859
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	1.352	1.149
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	1.352	1.149

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Trần Thị Ánh Hoa

Đỗ Đức Toàn

Phạm Văn Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		127.045.891.697	115.086.087.661
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(42.059.122.951)	(44.545.760.845)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(57.826.804.952)	(57.102.579.321)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(197.669.344)	(475.367.596)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		-	(1.523.955.944)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		251.611.268	4.828.313.170
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.193.558.014)	(30.931.479.144)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.020.347.704	(14.664.742.019)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		247.824.026	49.045.706
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		247.824.026	49.045.706

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		21.670.236.164	19.960.287.787
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(15.301.104.808)	(17.645.799.663)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.074.100.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		3.295.031.356	2.314.488.124
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		9.563.203.086	(12.301.208.189)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.657.820.180	16.959.028.369
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền tại ngày cuối năm (70 = 50+60+61)	70		14.221.023.266	4.657.820.180

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Ánh Hoa



Đỗ Đức Toàn




Phạm Văn Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là:

- Quản lý, khai thác, bảo trì, sửa chữa hệ thống thông tin, tín hiệu đường sắt;
- Xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình thông tin, viễn thông, tín hiệu giao thông;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng chuyên ngành thông tin, tín hiệu.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	20 năm

05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

07. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch đánh giá lại tài sản phát sinh từ việc đánh giá lại tài sản nhằm mục đích cổ phần hóa

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ cung cấp trong kỳ.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	39.951.420	183.985.546
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.181.071.846	4.473.834.634
- Các khoản tương đương tiền (*)	8.000.000.000	-
Cộng	14.221.023.266	4.657.820.180

(*) Tại ngày 31/12/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn với lãi suất 4,3%/năm.

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	74.965.602.456	26.840.641.696
- Tổng công ty Đường sắt Việt Nam	64.689.570.197	18.682.156.968
- Công ty hữu hạn Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	1.255.633.220	1.796.543.576
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình 3	1.366.860.937	1.483.437.906
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	7.653.538.102	4.878.503.246
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	74.965.602.456	26.840.641.696

c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	66.328.504.797	21.037.171.711
- Tổng Công ty đường sắt Việt Nam	64.689.570.197	18.682.156.968
- Công ty cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt	1.638.934.600	1.761.503.354
- Công ty Cổ phần đường sắt Sài Gòn	-	450.160.389
- Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải	-	143.351.000
Cộng	66.328.504.797	21.037.171.711

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
a. Ngắn hạn	8.624.392.812	-	5.887.657.202	-
- Tạm ứng	3.332.294.894	-	325.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.468.198.088	-	4.537.985.886	-
- Phải thu khác	1.823.899.830	-	1.024.671.316	-
+ <i>Phải thu người lao động</i>	<i>951.565.515</i>	-	<i>851.565.515</i>	-
+ <i>Bảo hiểm xã hội nộp trước</i>	<i>173.105.801</i>	-	<i>173.105.801</i>	-
+ <i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>699.228.514</i>	-	-	-
b. Dài hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	20.000.000	-	20.000.000	-
Cộng	8.644.392.812	-	5.907.657.202	-

04. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	1.633.085.690	-	882.851.415	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.377.853.725	-	14.275.823.755	-
Cộng	7.010.939.415	-	15.158.675.170	-

05. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang		
+ Chi phí tư vấn lập quy hoạch khu đất Hiệp Bình Phước	-	247.690.636
Cộng	-	247.690.636

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>15.860.500.531</i>	<i>5.146.842.324</i>	<i>9.154.266.290</i>	<i>39.918.000</i>	<i>30.201.527.145</i>
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>15.860.500.531</i>	<i>5.146.842.324</i>	<i>9.154.266.290</i>	<i>39.918.000</i>	<i>30.201.527.145</i>
Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>7.310.737.308</i>	<i>2.988.221.890</i>	<i>6.827.491.278</i>	<i>22.721.326</i>	<i>17.149.171.802</i>
- Khấu hao trong kỳ	593.820.702	158.839.961	816.449.771	4.360.042	1.573.470.476
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>7.904.558.010</i>	<i>3.147.061.851</i>	<i>7.643.941.049</i>	<i>27.081.368</i>	<i>18.722.642.278</i>
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>8.549.763.223</i>	<i>2.158.620.434</i>	<i>2.326.775.012</i>	<i>17.196.674</i>	<i>13.052.355.343</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>7.955.942.521</i>	<i>1.999.780.473</i>	<i>1.510.325.241</i>	<i>12.836.632</i>	<i>11.478.884.867</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>73.500.000</i>	<i>73.500.000</i>
- Mua trong năm	-	-
- Giảm khác	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>73.500.000</i>	<i>73.500.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>27.382.353</i>	<i>27.382.353</i>
- Khấu hao trong năm	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>27.382.353</i>	<i>27.382.353</i>
III. Giá trị còn lại		
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>46.117.647</i>	<i>46.117.647</i>
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	<i>46.117.647</i>	<i>46.117.647</i>

08. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	<i>4.734.858.548</i>	<i>5.142.245.565</i>
- Tiền thuê đất dài hạn	4.100.548.176	4.007.447.340
- Chi phí sửa chữa lớn	560.312.304	336.861.324
- Công cụ dụng cụ	-	534.745.063
- Lợi thế kinh doanh	73.998.068	263.191.838
Cộng	4.734.858.548	5.142.245.565

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	10.130.868.644	10.130.868.644	16.500.000.000	10.130.868.644	16.500.000.000	16.500.000.000
- Vay ngân hàng	10.130.868.644	10.130.868.644	-	10.130.868.644	-	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	10.130.868.644	10.130.868.644	-	10.130.868.644	-	-
- Vay đối tượng khác	-	-	16.500.000.000	-	16.500.000.000	16.500.000.000
+ Tổng Công ty đường sắt Việt Nam (*)	-	-	16.500.000.000	-	16.500.000.000	16.500.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	10.130.868.644	10.130.868.644	16.500.000.000	10.130.868.644	16.500.000.000	16.500.000.000

Thông tin chi tiết về khoản vay:

(*): Là khoản vay tín chấp, có thời hạn 03 tháng, lãi suất 0%/năm.

10. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	34.152.493.835	34.152.493.835	2.525.590.854	2.525.590.854
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch và Xuất nhập khẩu Lạng Sơn tại Hà Nội	-	-	2.219.600.000	2.219.600.000
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu COMSIG	7.060.893.784	7.060.893.784	-	-
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	9.149.685.000	9.149.685.000	-	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	17.941.915.051	17.941.915.051	305.990.854	305.990.854
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	34.152.493.835	34.152.493.835	2.525.590.854	2.525.590.854

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Phải trả người bán là các bên liên quan

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	9.149.685.000	9.149.685.000	-	-
- Công ty Thông tin tín hiệu đường sắt Đà Nẵng	9.149.685.000	9.149.685.000	-	-
Cộng	9.149.685.000	9.149.685.000	-	-

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế GTGT đầu ra	-	2.058.704.566	9.529.772.600	8.293.366.120	-	3.295.111.046
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	431.959.495	1.293.388.216	1.378.559.766	-	346.787.945
- Thuế thu nhập cá nhân	-	45.788.783	396.177.418	441.966.201	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	375.743.785	375.743.785	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	16.145.454	57.207.228	73.352.682	-	-
Cộng	-	2.552.598.298	11.656.289.247	10.566.988.554	-	3.641.898.991

12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	3.185.418.947	4.132.377.122
- Kinh phí công đoàn	249.334.563	280.583.147
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	340.965.000	295.965.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.595.119.384	3.555.828.975
+ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	2.486.345.360	2.341.109.093
+ Các đối tượng khác	108.774.024	1.214.719.882
b. Dài hạn	58.080.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	58.080.000	-
Cộng	3.243.498.947	4.132.377.122

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	22.104.407.812	8.400.818.657	234.779.474	-	30.740.005.943
Tăng vốn trong kỳ	8.636.592.188	-	-	-	8.636.592.188
Lãi/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	4.575.327.859	4.575.327.859
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	(8.400.818.657)	(234.779.474)	-	(8.635.598.131)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	30.741.000.000	-	-	4.575.327.859	35.316.327.859
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	5.173.552.863	5.173.552.863
Tăng khác	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	-	-	457.532.786	(4.575.327.859)	(4.117.795.073)
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-	-	(1.015.900.000)	(1.015.900.000)
Số dư cuối năm	30.741.000.000	-	457.532.786	4.157.652.863	35.356.185.649

(*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Sài Gòn thông qua ngày 26 tháng 4 năm 2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế năm 2016		4.575.327.859
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	457.532.786
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	23%	824.695.073
Trích Quỹ thưởng ban điều hành		219.000.000
Chia trả cổ tức	67%	3.074.100.000
Tổng phân phối lợi nhuận		4.575.327.859

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	23.292.000.000	76	23.292.000.000	76
Vốn góp của các cổ đông khác:	7.449.000.000	24	7.449.000.000	24
Cộng	30.741.000.000	100	30.741.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	30.741.000.000	22.104.407.812
+ Vốn góp tăng trong năm	-	8.636.592.188
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	30.741.000.000	30.741.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.074.100.000	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu phổ thông	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu phổ thông	3.074.100	3.074.100
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	457.532.786	-
Cộng	457.532.786	-

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Tài sản nhận giữ hộ**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phế liệu vật tư thu hồi giữ hộ Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	8.370	7.135
- đơn vị tính: KG		

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu quản lý, bảo trì thường xuyên	78.583.570.689	77.920.550.000
- Doanh thu hoạt động khác	82.407.056.442	36.612.766.164
Cộng	160.990.627.131	114.533.316.164

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	136.336.179.462	100.121.133.625
- Công ty Cổ phần Đường sắt Phú Khánh	1.568.635.455	563.086.364
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thuận Hải	-	130.319.091
- CN Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam - khai thác đường sắt Sài Gòn	738.590.001	442.226.364
- Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng	-	70.000.000
- Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu Đường sắt		2.039.031.169
Cộng	138.643.404.918	103.365.796.613

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Giảm giá hàng bán	28.009.828	-
Cộng	28.009.828	-

03. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn quản lý, bảo trì thường xuyên	56.675.883.244	59.864.374.142
- Giá vốn của dịch vụ khác	78.824.277.489	33.957.249.386
Cộng	135.500.160.733	93.821.623.528

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	249.522.996	49.045.706
Cộng	249.522.996	49.045.706

05. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	197.669.344	475.367.596
Cộng	197.669.344	475.367.596

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN
Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi chậm nộp thuế GTGT	-	318.537.318
Cộng	-	318.537.318

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	19.047.369.143	14.168.039.275
- Chi phí nhân viên quản lý	12.576.993.868	7.662.629.637
- Chi phí vật liệu quản lý	-	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.282.556.549	6.227.572
- Thuế, phí và lệ phí	10.546.053	2.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.346.562.590	3.098.428.524
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.830.710.083	3.398.753.542
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	-	-
Cộng	19.047.369.143	14.168.039.275

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	1.293.388.216	1.223.466.294
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.293.388.216	1.223.466.294

(*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.466.941.079	5.798.794.153
Các khoản điều chỉnh tăng	-	318.537.318
Lãi chậm nộp thuế GTGT	-	318.537.318
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	6.466.941.079	6.117.331.471
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	1.293.388.216	1.223.466.294

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	5.173.552.863	4.575.327.859
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.173.552.863	4.575.327.859
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	1.015.900.000	1.043.695.073
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.074.100	3.074.100
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.352	1.149

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2017 tạm tính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2017.

Đơn vị tính: VND

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	5.173.552.863	4.575.327.859
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.173.552.863	4.575.327.859
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	1.015.900.000	1.043.695.073
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.074.100	3.074.100
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.352	1.149

(**) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2017 tạm tính theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2017.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.315.924.052	40.995.419.722
- Chi phí nhân công	77.313.072.703	55.056.493.240
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.573.470.476	871.033.839
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.710.196.338	5.271.010.695
- Chi phí khác bằng tiền	3.736.896.277	8.231.047.924
- Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	145.649.559.846	110.425.005.420

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	<i>Đơn vị tính: VND</i> Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	2.039.135.965	1.886.640.000
Cộng	2.039.135.965	1.886.640.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan

Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Công ty Cổ phần đường sắt Phú Khánh
 Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải
 Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn
 Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Đà Nẵng
 Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu Đường sắt Vinh
 Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu đường sắt
 CN Tổng Công ty đường sắt Việt Nam – khai thác đường sắt Sài Gòn
 Ban Quản lý dự án đường sắt – Khu vực 3 – Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Công ty con Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Công ty liên kết với Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Thành viên Tổng công ty đường sắt Việt Nam
 Thành viên Tổng công ty đường sắt Việt Nam

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Đường sắt Việt Nam		
Chi phí quản lý nộp Tổng Công ty	-	1.402.569.933
Chi phí thuê tài sản của Tổng Công ty	86.226.437	-
Công ty Cổ phần Viễn thông tín hiệu Đường sắt		
Mua hàng hóa vật tư	-	1.196.121.090
Công ty Cổ phần vận tải đường sắt Sài Gòn		
Mua dịch vụ	-	86.455
Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải		
Mua dịch vụ	-	545.455
Công ty Cổ phần Thông tin tín hiệu đường sắt Đà Nẵng		
Mua dịch vụ	8.317.895.455	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.02, V.10, còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Vận tải đường sắt Sài Gòn		
Người mua trả tiền trước	-	354.872.413
Công ty CP đường sắt Phú Khánh		
Người mua trả tiền trước	138.177.134	761.790.134
Cộng nợ phải trả	138.177.134	1.116.662.547

03. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh:**

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ sửa chữa, duy tu.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.221.023.266	-	4.657.820.180	-	14.221.023.266	4.657.820.180
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.404.409.587	-	27.865.313.012	-	78.404.409.587	27.865.313.012
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	92.625.432.853	-	32.523.133.192	-	92.625.432.853	32.523.133.192

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	34.152.493.835	2.525.590.854	34.152.493.835	2.525.590.854
Vay và nợ	16.500.000.000	10.130.868.644	16.500.000.000	10.130.868.644
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.595.119.384	912.102.975	2.595.119.384	912.102.975
Cộng	53.247.613.219	13.568.562.473	53.247.613.219	13.568.562.473

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày cuối năm				
Phải trả cho người bán	34.152.493.835	-	-	34.152.493.835
Vay và nợ	16.500.000.000	-	-	16.500.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	2.595.119.384	-	-	2.595.119.384
Cộng	53.247.613.219	-	-	53.247.613.219
Tại ngày đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.525.590.854	-	-	2.525.590.854
Vay và nợ	10.130.868.644	-	-	10.130.868.644
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	912.102.975	-	-	912.102.975
Cộng	13.568.562.473	-	-	13.568.562.473

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐƯỜNG SẮT SÀI GÒN

Số 01 Nguyễn Thông, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt. Trong đó, Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do thay đổi sổ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.488	1.149

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Thị Ánh Hoa

Kế toán trưởng

Đỗ Đức Toàn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 02 năm 2018

Giám đốc



Phạm Văn Dũng